

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
PHONG PHÚ**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	13 - 50
8. Phụ lục	51 - 57

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Tổng Công ty

Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước – Tổng Công ty Phong Phú theo Quyết định số 06/2007/QĐ-BCN ngày 11 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301446006, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 02 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 05 tháng 01 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84 – 28) 35 147 340
- Fax : (84 – 28) 38 406 790

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	378 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Nhà máy dệt 2 – Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Đà Nẵng	Đường số 03, Khu công nghiệp Hòa Khánh, Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Linh Chiểu, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Đà Nẵng	294 Ông Ích Khiêm, Phường Tân Chính, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Bình Thuận	215B Thủ Khoa Huân, Phường Phú Thủy, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Hà Nội	184 Nguyễn Lương Bằng, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Cần Thơ	78 A1, Trần Văn Khéo, Phường Cái Khế, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Nha Trang	Km1447, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Đà Lạt – Khách sạn Du Lys	14 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 1, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Nha Trang – Cửa hàng bán lẻ may mặc	64 Quang Trung, Phường Vạn Thắng, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Lâm Đồng	171 Thống Nhất, Thị trấn Liên Nghĩa, Huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất sợi, chỉ may, chỉ thêu, vải dệt thoi, sản xuất khăn, vải, sợi, quần áo, hàng may sẵn (trừ trang phục, trừ tẩy, nhuộm, hồ, in, gia công hàng đã qua sử dụng); Bao bì (trừ tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở);
- Mua bán máy móc, phụ tùng ngành dệt, may. Kinh doanh thiết bị văn phòng, vật liệu điện, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm, môi trường. Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện, thiết bị dùng trong mạch điện). Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy nông nghiệp;



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Dịch vụ nghiên cứu khoa học; chuyên giao công nghệ;
- Chăn nuôi lợn (không hoạt động tại trụ sở);
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Khai thác và chế biến lâm sản;
- Thi công, tư vấn, thiết kế, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện công nghiệp, điện lạnh;
- Dịch vụ ăn uống (không hoạt động ăn uống và trò chơi giải trí tại trụ sở);
- Xây dựng cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, khu đô thị, phát triển nhà;
- Tư vấn, môi giới bất động sản;
- Giáo dục mầm non, tiểu học;
- Gia công cơ khí;
- Sản xuất phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí;
- Xử lý nước thải;
- Hoạt động trang trí nội thất;
- Quảng cáo;
- Bán lẻ hàng may mặc;
- Trồng cây lấy củ có chất bột, mía, cây thuốc lá, cây thuốc Lào, cây lấy sợi, cây có hạt chứa dầu, cây hồ tiêu, cây cao su, cây cà phê, cây chè; trồng rau, đậu các loại, cây cảnh và trồng hoa (không hoạt động tại trụ sở).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Tổng Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Trần Quang Nghị	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2014
Ông Trần Quang Sáng	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2014
Ông Phạm Xuân Trinh	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2014
Bà Phạm Minh Hương	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2014
Bà Bùi Thị Thu	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2014

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2016
Bà Vũ Thị Thùy Dương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2014
Bà Trần Liên Hữu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2015

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Xuân Trinh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2013
Bà Bùi Thị Thu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2010
Bà Phan Kim Hằng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2010
Ông Trần Ngọc Nga	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2014
Ông Đinh Hồng Tiến	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2011
Ông Lý Anh Tài	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2014
Bà Lê Thị Ánh Ngọc	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Nhiệm	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2014
Ông Võ Đình Hùng	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2014
Ông Phạm Minh Tuấn	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 11 năm 2017
Bà Trương Thị Ngọc Phượng	Giám đốc tài chính	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 02 năm 2016
Ông Đặng Thanh Phước	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 02 năm 2016

004498
 CÔNG T
 NIỆM H
 TOÁN VÀ T
 A & I
 H-T.P.H

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phạm Xuân Trinh – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2013).

Ông Phạm Xuân Trinh đã ủy quyền cho Bà Bùi Thị Thu – Phó Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo Giấy ủy quyền số 753/UQ-PP ngày 29 tháng 12 năm 2017.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.


Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, 




Bùi Thị Thu
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2018



Số: 1.1148/18/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 15 tháng 8 năm 2018, từ trang 06 đến trang 57, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

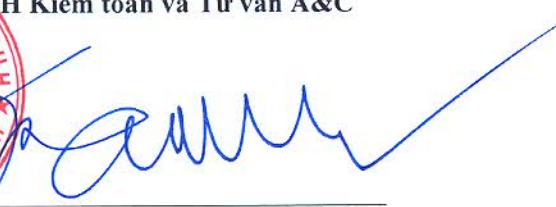
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.




Nguyễn Ngọc Thành
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1195-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2018

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.834.411.193.643	2.453.494.225.168
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	43.927.822.191	66.275.335.698
1. Tiền	111		42.927.822.191	66.275.335.698
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.000.000.000	5.669.970.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	5.000.000.000	5.669.970.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.343.229.623.595	1.313.870.197.314
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	588.831.452.317	522.239.276.305
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	168.179.505.741	205.362.487.964
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	165.300.000.000	159.800.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	430.628.195.446	435.759.554.932
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(10.132.923.426)	(9.720.465.331)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		423.393.517	429.343.444
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	1.390.337.045.922	996.492.838.439
1. Hàng tồn kho	141		1.414.700.117.394	1.019.398.663.142
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(24.363.071.472)	(22.905.824.703)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		51.916.701.935	71.185.883.717
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	7.004.129.381	3.692.392.730
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		43.897.059.726	51.590.636.573
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.19	1.015.512.828	15.902.854.414
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.771.452.630.590	2.858.234.324.992
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		377.164.772.210	504.795.457.924
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	6.240.000.000	6.456.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	370.924.772.210	498.339.457.924
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.420.111.058.938	1.384.799.060.774
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	1.375.629.587.054	1.338.592.942.548
- Nguyên giá	222		2.968.746.566.162	2.879.351.472.459
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.593.116.979.108)	(1.540.758.529.911)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	41.181.791.004	42.906.437.346
- Nguyên giá	225		50.334.824.155	50.334.824.155
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(9.153.033.151)	(7.428.386.809)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	3.299.680.880	3.299.680.880
- Nguyên giá	228		3.457.680.880	3.457.680.880
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(158.000.000)	(158.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.13	13.149.042.972	13.390.309.818
- Nguyên giá	231		14.476.010.625	14.476.010.625
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.326.967.653)	(1.085.700.807)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		355.293.001.028	385.000.650.535
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.14	355.293.001.028	385.000.650.535
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		533.563.204.388	500.909.644.634
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	468.764.237.234	407.547.452.895
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2d	125.514.280.199	135.514.280.199
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c,2d	(60.915.313.045)	(42.152.088.460)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	200.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		72.171.551.054	69.339.201.307
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	38.918.168.169	33.923.168.657
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.15	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.16	33.253.382.885	35.416.032.650
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5.605.863.824.233	5.311.728.550.160

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		4.011.133.136.437	3.661.195.656.704
I. Nợ ngắn hạn	310		2.377.574.400.777	1.996.447.764.355
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.17a	292.944.207.378	196.019.557.403
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.18	26.840.456.152	18.812.015.228
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.19	26.777.230.275	26.162.499.403
4. Phải trả người lao động	314	V.20	49.892.180.290	105.972.280.226
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.21	17.889.057.130	11.500.304.340
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.22a	3.790.990.988	1.090.488.930
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.23a	130.007.413.027	47.546.780.794
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.24a	1.817.682.521.941	1.581.016.141.884
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.25	11.750.343.596	8.327.696.147
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.633.558.735.660	1.664.747.892.349
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.22b	22.102.234.004	26.838.427.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.23b	25.326.000.000	32.053.500.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.24b	1.583.395.203.656	1.602.874.998.599
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.26	2.735.298.000	2.980.966.750
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.27	341.076.254.341	327.632.237.341
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.27	291.153.672	381.828.119
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.27	312.595.698.022	379.755.136.378
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		172.435.275.717	379.755.136.378
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		140.160.422.305	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.27	158.749.260.536	160.745.370.393
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5.605.863.824.233	5.311.728.550.160

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2018



Lê Thị Tú Anh
Người lập biểu



Đặng Thanh Phước
Kế toán trưởng



Bùi Thị Thu
Phó Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.681.693.970.329	1.393.111.652.598
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1.963.805.428	1.107.474.956
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.679.730.164.901	1.392.004.177.642
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.519.547.497.864	1.228.889.086.941
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		160.182.667.037	163.115.090.701
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	25.126.617.346	21.012.424.728
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	88.371.037.256	71.762.967.526
Trong đó: chi phí lãi vay	23		75.906.291.196	62.350.957.223
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	174.757.686.368	150.132.381.265
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	56.624.721.530	43.311.532.404
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	80.226.993.111	82.284.823.082
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		134.844.218.854	136.900.573.682
12. Thu nhập khác	31	VI.8	14.305.930.172	19.727.157.749
13. Chi phí khác	32	VI.9	3.789.903.475	18.141.586.937
14. Lợi nhuận khác	40		10.516.026.697	1.585.570.812
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		145.360.245.551	138.486.144.494
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.19	3.817.851.551	1.232.988.270
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.15	-	46.218.806
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>141.542.394.000</u>	<u>137.206.937.418</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>140.160.422.305</u>	<u>136.575.101.023</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>1.381.971.695</u>	<u>631.836.395</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>1.750</u>	<u>1.756</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	<u>1.750</u>	<u>1.756</u>



Lê Thị Tú Anh
Người lập biểu



Đặng Thanh Phước
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2018

Bùi Thị Thu
Phó Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		145.360.245.551	138.486.144.494
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, V.11, V.12, V.13, V.16	76.895.769.897	71.735.013.511
- Các khoản dự phòng	03	V.2, V.7, V.8, V.26	1.624.036.114	4.811.796.351
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4, VI.5	11.422.372.563	2.195.139.921
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.2, VI.4, VI.8	(195.115.564.028)	(172.630.793.251)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	75.906.291.196	62.350.957.223
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		116.093.151.293	106.948.258.249
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		18.112.511.761	22.689.387.847
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(385.454.690.118)	(157.227.954.326)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		150.296.197.427	(43.861.745.416)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(7.304.736.163)	(15.466.617.099)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.21, V.23, V.24, VI.4, VII	(87.891.935.919)	(72.120.886.994)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.361.203.117)	(4.015.591.605)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.25	29.393.845	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.25, V.27	(28.180.798.423)	(9.025.611.940)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(225.662.109.414)	(172.080.761.284)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.14, VII	(85.658.737.309)	(245.353.756.351)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.10, VI.8, VI.9, VII	1.875.500.760	4.301.227.272
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(700.000.000)	(6.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.486.031.572	10.308.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.2d, VI.4	15.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.2, V.6, VI.4, VII	151.171.050.124	170.420.798.078
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		83.173.845.147	(66.323.731.001)

030
 CI
 RÁCH
 TIỀN T
 A
 BÌNH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.24	2.370.397.613.788	2.382.851.070.263
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.24	(2.162.765.648.148)	(2.096.775.907.236)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.24	(3.173.181.325)	(5.548.677.339)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.23, V.27	(84.418.014.000)	(98.058.288.090)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		120.040.770.315	182.468.197.598
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(22.447.493.952)	(55.936.294.687)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	66.275.335.698	93.566.803.378
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		99.980.445	(25.433.839)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	43.927.822.191	37.605.074.852

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2018

Lê Thị Tú Anh
Người lập biểu

Đặng Thanh Phước
Kế toán trưởng



Bùi Thị Thu
Phó Tổng Giám đốc

04498
ÔNG
NHIỆM
AN VÀ
&
T.PH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là: Sản xuất, mua bán sợi, vải, khăn, chỉ may, chỉ thêu, sản phẩm may mặc và thời trang (trừ tây, nhuộm, hồ in trên sản phẩm dệt, may đan, gia công hàng đã qua sử dụng); Mua bán hóa chất, thuốc nhuộm (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Mua bán máy móc thiết bị, vật tư, phụ tùng, phụ liệu ngành dệt – nhuộm – may; Buôn bán tơ, xơ, sợi dệt, hàng may mặc,...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tổng Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Doanh thu và lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2018 của Tổng Công ty tăng trưởng tốt so với cùng kỳ năm trước là do tình hình kinh tế thế giới đã phục hồi, vì vậy doanh thu xuất khẩu tăng. Đồng thời, kinh tế Việt Nam từng bước phát triển, nhu cầu tiêu dùng tăng dẫn đến doanh thu nội địa tăng.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 04 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

6a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	Số 727 Âu Cơ, Phường Tân Thành, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất các sản phẩm dệt	60,99%	60,99%	60,99%	60,99%
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang	Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất các sản phẩm dệt	51,97%	51,97%	51,97%	51,97%
Công ty Cổ phần Đầu tư Khánh Phú (*)	Số 17 Hai Bà Trưng, Phường Xương Huân, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn hạn và kinh doanh bất động sản	-	35,63%	-	35,63%
Công ty Cổ phần Dệt may Quảng Phú	Thôn Hạnh Trí, Xã Quảng Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận	Sản xuất, mua bán bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc. Mua bán hóa chất thuốc nhuộm, máy móc thiết bị ngành dệt may	71,00%	71,00%	71,00%	71,00%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (*) Tổng Công ty nắm giữ 51,97% quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang và Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang nắm giữ 68,56% quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Đầu tư Khánh Phú, do đó Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Khánh Phú.

6b. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Coats Phong Phú	Số 48 Tăng Nhơn Phú, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán bông, xơ, sợi	35,00%	35,00%	35,00%	35,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn	Số 159 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Đầu tư, xây dựng, kinh doanh bất động sản	21,51%	21,51%	21,51%	21,51%
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Số 09 Phù Đổng Thiên Vương, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm dệt may, nguyên phụ liệu, máy móc thiết bị ngành dệt may	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Linen Supply Services	Nhà xưởng A, Khu Công nghiệp Giang Điền, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai	Giặt công nghiệp, sản xuất các sản phẩm may mặc	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	Số 378 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	44,02%	44,02%	44,02%	44,02%
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	Số 168B Bùi Thị Xuân, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, kinh doanh bông nguyên liệu nhập khẩu; sản xuất và xuất khẩu các loại khăn lông	34,74%	36,47%	41,26%	43,15%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Vân	Số 37 Trần Hưng Đạo, Phường 10, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	Xây dựng công trình dân dụng	47,84%	47,84%	47,84%	47,84%

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

8. **Nhân viên**
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 4.997 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 5.335 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của từng ngân hàng.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của từng ngân hàng.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

C.P.
ÁCH
ỀM T
A
SINH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi của phải thu khách hàng được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản phải thu khác được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm:
 - Xây dựng dự án bất động sản: bao gồm chi phí xây dựng, lãi vay, quyền sử dụng đất và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
 - Sản xuất sản phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa, chi phí thuê và tiền thuê đất. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa là các chi phí thực tế chi ra để sửa chữa văn phòng cho thuê và máy móc thiết bị. Chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh không quá 03 năm.

Chi phí thuê

Chi phí thuê xe được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (07 năm).

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (12 năm).

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 05

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,.... Quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

13. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của cơ sở hạ tầng là bất động sản đầu tư trong 30 năm.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

15. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

04492
ÔNG
NHIỆM
OÁN VÀ
&
T.P.H

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong kỳ là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

16. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

17. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

18. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn chỉ có dự phòng trợ cấp thôi việc.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Tập đoàn từ đủ 12 tháng trở lên đối với thời gian không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính cho 01 năm làm việc.

Tăng, giảm số dư dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

19. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu và trái phiếu có thể chuyển đổi thành một lượng cổ phiếu không xác định tại ngày đáo hạn (do phụ thuộc vào giá trị thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn).

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Tập đoàn theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

20. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Tổng Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

21. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

22. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

23. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ sau.

24. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

25. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

26. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

27. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

28. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

9815-
GTY
M HUU H
VA TUY
C
HOCY

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.978.708.099	2.139.425.964
Tiền gửi ngân hàng	39.949.114.092	64.135.909.734
Các khoản tương đương tiền (*)	1.000.000.000	-
Cộng	<u>43.927.822.191</u>	<u>66.275.335.698</u>

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng đến 01 năm tại các ngân hàng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 01 năm tại các ngân hàng.

2b. Đầu tư vào công ty con

Tình hình hoạt động của các công ty con

Ngày 6 tháng 6 năm 2018, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa thông báo giải thể Công ty Cổ phần Đầu tư Khánh Phú.

Các công ty con khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

Khoản đầu tư góp vốn vào công ty con được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh

Khoản đầu tư vào cổ phiếu của một số công ty con với giá trị ghi sổ là 164.402.739.353 VND được dùng để đảm bảo cho khoản trái phiếu phát hành tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (xem thuyết minh số V.24).

2c. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư</u>	<u>Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư</u>
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá gốc</u>
	<u>Cộng</u>	<u>Cộng</u>
Công ty TNHH Coats Phong Phú	85.253.638.578 173.823.579.954 259.077.218.532	85.253.638.578 130.661.497.979 215.915.136.557
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn	10.000.000.000 632.467.633 10.632.467.633	10.000.000.000 1.622.379.618 11.622.379.618
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	6.769.616.000 (1.590.147.492) 5.179.468.508	6.769.616.000 (1.415.312.799) 5.354.303.201
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	144.586.200.608 19.262.346.055 163.848.546.663	144.586.200.608 (591.720.256) 143.994.480.352

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	8.654.516.237	3.420.738.736	12.075.254.973	8.654.516.237	4.055.356.005	12.709.872.242
Công ty TNHH Linen Supply Services ⁽ⁱⁱⁱ⁾	6.366.000.000	(6.366.000.000)	-	6.366.000.000	(6.366.000.000)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Vân	18.944.120.000	(992.839.075)	17.951.280.925	18.944.120.000	(992.839.075)	17.951.280.925
Cộng	280.574.091.423	188.190.145.811	468.764.237.234	280.574.091.423	126.973.361.472	407.547.452.895

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	Cổ tức, lợi nhuận được chia trong kỳ	Các khoản khác	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
Công ty TNHH Coats Phong Phú	215.915.136.557	173.584.165.961	(132.303.288.571)	1.881.204.585	259.077.218.532
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn	11.622.379.618	195.241.218	(1.000.000.000)	(185.153.203)	10.632.467.633
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	5.354.303.201	401.159.792	(634.652.566)	58.658.081	5.179.468.508
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	143.994.480.352	1.090.841.727	-	18.763.224.584	163.848.546.663
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	12.709.872.242	(513.722.330)	-	(120.894.939)	12.075.254.973
Công ty TNHH Linen Supply Services	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Vân	17.951.280.925	-	-	-	17.951.280.925
Cộng	407.547.452.895	174.757.686.368	(133.937.941.137)	20.397.039.108	468.764.237.234

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết

Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức đã điều chỉnh hồi tố kết quả hoạt động chuyển nhượng bất động sản năm 2017 theo Biên bản của Thanh tra Bộ Tài chính ngày 24 tháng 5 năm 2018. Theo đó, lợi nhuận sau thuế của Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức tăng lên 42.294.069.180 VND.

Các công ty liên doanh, liên kết khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

Giao dịch với các công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Coats Phong Phú		
Bán thành phẩm	157.156.047.571	139.228.512.081
Lợi nhuận được chia	132.303.288.571	77.374.000.000
Cung cấp dịch vụ	8.397.708.085	8.039.912.914
Mua nguyên liệu	42.105.899.190	38.524.222.800
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn		
Cổ tức được chia	1.000.000.000	700.000.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty Cổ phần May Đà Lạt</i>		
Cổ tức được chia	634.652.566	423.101.710
<i>Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú</i>		
<i>Daewon Thủ Đức</i>		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	248.981.280
Lãi vay phải thu	121.923.612	121.923.612
<i>Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú</i>		
Mua hàng và nhận cung cấp dịch vụ	505.829.355	8.464.929.497
Bán hàng	7.816.347.620	18.999.735.905

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Tập đoàn dự phòng tổn thất các khoản đầu tư vào công ty liên kết đã ký hợp đồng chuyển nhượng.

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	26.916.322.937	27.163.926.631
Tăng trong kỳ	18.763.224.584	-
Số cuối kỳ	45.679.547.522	27.163.926.631

Khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh

Khoản đầu tư vào cổ phiếu của một số công ty liên kết với giá trị ghi sổ là 10.632.467.633 VND được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (xem thuyết minh số V.24).

2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	13.027.052.451	-	13.027.052.451	-
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương	32.288.540.334	-	32.288.540.334	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định	12.533.634.095	-	12.533.634.095	-
Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định Phong Phú	5.852.355.319	(5.852.355.319)	5.852.355.319	(5.852.355.319)
Công ty Cổ phần Len Việt Nam	1.337.103.882	(1.337.103.882)	1.337.103.882	(1.337.103.882)
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt may	11.282.879.453	(4.725.954.997)	11.282.879.453	(4.725.954.997)
Công ty Cổ phần Sài Gòn Rạch Giá	2.984.184.383	(1.078.721.195)	2.984.184.383	(1.078.721.195)
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thuận Phú	12.018.427.562	(1.368.427.562)	12.018.427.562	(1.368.427.562)
Công ty Cổ phần Hưng Phú	1.813.677.769	-	1.813.677.769	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt may Nam Định	7.500.000.000	-	7.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Bông Tây Nguyên	266.915.000	-	266.915.000	-
Công ty Cổ phần Phước Lộc	3.216.754.481	-	3.216.754.481	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú	14.093.555.470	-	14.093.555.470	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Nhà và Phát triển Đô thị Nha Trang	-	-	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú Lăng Cô	7.299.200.000	(873.202.568)	7.299.200.000	(873.202.568)
Cộng	125.514.280.199	(15.235.765.523)	135.514.280.199	(15.235.765.523)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	15.235.765.523	3.910.077.858
Trích lập dự phòng bổ sung	-	4.964.038.250
Số cuối kỳ	<u>15.235.765.523</u>	<u>8.874.116.108</u>

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh

Một số khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị với giá trị ghi sổ là 77.795.137.669 VND được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (xem thuyết minh số V.24).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<u>179.726.485.442</u>	<u>140.798.864.462</u>
Công ty TNHH Coats Phong Phú	93.309.582.078	61.133.310.622
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	67.594.048.784	68.330.000.504
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	17.614.898.168	10.257.930.237
Công ty TNHH Linen Supply Services	1.207.956.412	1.077.623.099
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<u>409.104.966.875</u>	<u>381.440.411.843</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	42.209.801.030	42.996.032.039
Các khách hàng khác	366.895.165.845	338.444.379.804
Cộng	<u>588.831.452.317</u>	<u>522.239.276.305</u>

Các công ty trong Tập đoàn thế chấp quyền đòi nợ từ các hợp đồng xuất khẩu, trong nước với giá trị tối thiểu 95.000.000.000 VND để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (xem thuyết minh số V.24).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	135.380.000.000	136.600.000.000
Các nhà cung cấp khác	32.799.505.741	68.762.487.964
Cộng	<u>168.179.505.741</u>	<u>205.362.487.964</u>

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn/dài hạn

5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu cho vay bên liên quan</i>	<u>2.500.000.000</u>	<u>2.500.000.000</u>
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	2.500.000.000	2.500.000.000
<i>Phải thu cho vay tổ chức khác</i>	<u>162.800.000.000</u>	<u>157.300.000.000</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	162.800.000.000	157.300.000.000
Cộng	<u>165.300.000.000</u>	<u>159.800.000.000</u>

300
CÔ
CH NI
M TOI
A
NH-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**5b. Phải thu về cho vay dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thuận Phú	4.800.000.000	4.800.000.000
Cán bộ công nhân viên	1.440.000.000	1.656.000.000
Cộng	6.240.000.000	6.456.000.000

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	133.783.488.863	(456.756.127)	137.168.276.680	(456.756.127)
Công ty TNHH Coats Phong Phú - Cổ tức, lợi nhuận được chia	131.893.288.571	-	136.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức - Phải thu tiền lãi vay	1.290.200.292	(456.756.127)	1.168.276.680	(456.756.127)
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn - Cổ tức, lợi nhuận được chia	600.000.000	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	296.844.706.583	(3.242.551.090)	298.591.278.252	(4.542.551.090)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú - Lợi nhuận dự án hợp tác kinh doanh Đồng Mai	110.422.661.112	-	97.626.966.668	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú - Phải thu tiền lãi cho vay	89.247.837.609	-	86.299.430.312	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú - Phải thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	13.682.108.222	-	11.687.278.064	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú - Phải thu tiền cho thuê đất	15.918.588.440	-	15.918.588.440	-
Phải thu chuyển nhượng dự án đầu tư	23.500.000.000	-	28.155.996.716	-
Phải thu chờ xử lý	1.826.688.274	-	-	-
Cổ tức và lợi nhuận được chia	2.930.598.000	-	2.003.918.000	-
Phải thu lãi cho vay, tiền gửi	8.734.957.779	-	7.877.983.981	-
Tạm ứng	23.419.865.957	-	22.916.567.857	-
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	33.232.913	-	33.232.913	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	7.128.168.277	(3.242.551.090)	26.071.315.301	(4.542.551.090)
Cộng	430.628.195.446	(3.699.307.217)	435.759.554.932	(4.999.307.217)

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu tiền hợp tác kinh doanh	307.013.590.759	-	434.257.522.603	-
Các khoản ký quỹ dài hạn	63.832.840.544	-	63.991.843.276	-
Phải thu dài hạn khác	78.340.907	-	90.092.045	-
Cộng	370.924.772.210	-	498.339.457.924	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Linen Supply	-	-	254.402.448	254.402.448
Công ty TNHH Tài Tín	3.242.551.090	-	3.242.551.090	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Giao thông Hồng Lĩnh	-	-	1.300.000.000	-
Công ty Cổ phần Dệt may Hapaco Hải Phòng - Phải thu tiền bán hàng	787.538.760	-	787.538.760	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	7.371.866.678	1.269.033.100	7.394.911.277	3.004.535.796
Cộng	11.401.956.528	1.269.033.100	12.979.403.575	3.258.938.244

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	9.720.465.331	121.741.445.696
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	412.458.095	(66.822.831)
Số cuối kỳ	10.132.923.426	121.674.622.865

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	13.044.306.023	-	140.409.200	-
Nguyên liệu, vật liệu	322.454.346.169	(5.951.966.990)	227.056.761.217	(5.951.966.990)
Công cụ, dụng cụ	51.585.004	-	67.743.757	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	647.744.994.910	(1.457.246.769)	453.035.770.213	-
Thành phẩm	405.859.432.655	(16.953.857.713)	319.248.608.652	(16.953.857.713)
Hàng hóa	1.210.882.232	-	141.755.289	-
Hàng gửi đi bán	24.334.570.401	-	19.707.614.814	-
Cộng	1.414.700.117.394	(24.363.071.472)	1.019.398.663.142	(22.905.824.703)

Hàng tồn kho cuối kỳ của các công ty trong Tập đoàn có giá trị ghi sổ là 309.879.738.937 VND đã được dùng thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay và nợ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.24).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	22.905.824.703	27.355.084.304
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	1.457.246.769	(40.938.995)
Xử lý hàng tồn kho	-	(745.068.625)
Số cuối kỳ	24.363.071.472	26.569.076.684

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	567.731.455	314.892.606
Chi phí sửa chữa	1.701.506.500	1.473.647.760
Chi phí quảng cáo	241.818.182	483.636.364
Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng, máy móc	497.416.000	1.420.216.000
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.995.657.244	-
Cộng	7.004.129.381	3.692.392.730

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	13.516.057.670	10.892.589.851
Chi phí sửa chữa	15.024.064.273	13.070.023.186
Chi phí thuê	1.739.500.000	1.952.500.000
Tiền thuê đất	4.414.308.514	4.655.088.976
Các chi phí trả trước dài hạn khác	4.224.237.712	3.352.966.644
Cộng	38.918.168.169	33.923.168.657

10. Tài sản cố định hữu hình

Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình xem Phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.014.412.097.614 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.24).

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	49.136.095.609	1.198.728.546	50.334.824.155
Số cuối kỳ	49.136.095.609	1.198.728.546	50.334.824.155
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	7.408.407.999	19.978.810	7.428.386.809
Khấu hao trong kỳ	1.664.709.912	59.936.430	1.724.646.342
Số cuối kỳ	9.073.117.911	79.915.240	9.153.033.151
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	41.727.687.610	1.178.749.736	42.906.437.346
Số cuối kỳ	40.062.977.698	1.118.813.306	41.181.791.004
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Sau khi kết thúc thời hạn thuê hoặc thanh toán toàn bộ số tiền thuê trước hạn và nếu Tập đoàn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo những thỏa thuận đã nêu trong hợp đồng thuê tài chính, bên cho thuê cam kết sẽ bán lại các tài sản thuê này cho Tập đoàn với giá tương trung (danh nghĩa).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	3.299.680.880	158.000.000	3.457.680.880
Số cuối kỳ	3.299.680.880	158.000.000	3.457.680.880
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	158.000.000	158.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	158.000.000	158.000.000
Số cuối kỳ	-	158.000.000	158.000.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	3.299.680.880	-	3.299.680.880
Số cuối kỳ	3.299.680.880	-	3.299.680.880
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

13. Bất động sản đầu tư

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	14.476.010.625	1.085.700.807	13.390.309.818
Khấu hao trong kỳ		241.266.846	
Số cuối kỳ	14.476.010.625	1.326.967.653	13.149.042.972

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Tập đoàn hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán là các căn hộ thuộc chung cư Nhân Phú đang cho thuê.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào tài sản cố định trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	13.088.921.061	12.513.965.860	(19.989.998.281)	(4.467.816.373)	1.145.072.267
Xây dựng cơ bản dở dang	368.298.389.474	54.596.767.323	(63.684.632.777)	(5.062.595.259)	354.147.928.761
Sửa chữa lớn tài sản cố định	3.613.340.000	9.392.820.066	(12.725.664.247)	(280.495.819)	-
Cộng	385.000.650.535	76.503.553.249	(96.400.295.305)	(9.810.907.451)	355.293.001.028

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang có giá trị là 335.488.830.869 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.24).

Tổng chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ là 7.781.012.489 VND (kỳ trước là 7.167.350.439 VND).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

15a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

15b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	15.173.588.508	8.925.535.253
Các chi phí phải trả	15.173.588.508	8.925.535.253
Lỗi tính thuế ⁽ⁱ⁾	142.074.187.686	108.574.841.907
Cộng	<u>157.247.776.194</u>	<u>117.500.377.160</u>

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

16. Lợi thế thương mại

Nguyên giá

Số đầu năm

61.306.069.300

Số cuối kỳ

61.306.069.300

Số đã phân bổ

Số đầu năm

25.890.036.650

Phân bổ trong kỳ

2.162.649.765

Số cuối kỳ

28.052.686.415

Giá trị còn lại

Số đầu năm

35.416.032.650

Số cuối kỳ

33.253.382.885

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	<u>33.038.075.255</u>	<u>29.944.939.425</u>
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	-	66.000.000
Công ty TNHH Coats Phong Phú	33.038.075.255	29.754.969.425
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	-	123.970.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	<u>259.906.132.123</u>	<u>166.074.617.978</u>
Cộng	<u>292.944.207.378</u>	<u>196.019.557.403</u>

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu		
Dệt may Việt Nam	9.962.577.900	9.962.577.900
Falcon Ic Dis Ticarat Company	4.915.092.068	-
Các khách hàng khác	11.962.786.184	8.849.437.328
Cộng	26.840.456.152	18.812.015.228

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung theo quyết toán thuế tại Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam được hạch toán vào quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu với số tiền là 50.607.305 VND.

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ cho thuê, kinh doanh sợi, xơ, dệt: 10%
- Dịch vụ sử dụng nước, kinh doanh bông phế phẩm: 05%

Thuế xuất, nhập khẩu

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Dệt may Quảng Phú – Công ty con được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 43121000136 ngày 26 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận cấp cho công ty có dự án tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và Công văn số 979/CT-TTHT ngày 25 tháng 3 năm 2014 của Cục thuế tỉnh Ninh Thuận về việc hướng dẫn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty Cổ phần Dệt may Quảng Phú được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm (từ năm 2012 đến 2026), miễn thuế 04 năm (từ năm 2013 đến năm 2016) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2017 đến năm 2025).

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	412.866.366	568.921.104
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang	2.892.700.934	394.632.721
Công ty Cổ phần Dệt may Quảng Phú	512.284.251	269.434.445
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.817.851.551	1.232.988.270

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế tài nguyên

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước ngầm.

Tiền thuê đất, thuế nhà đất

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất và thuế nhà đất theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

20. Phải trả người lao động

Các khoản tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng,... còn phải trả cho công nhân viên.

21. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<i>5.559.064.143</i>	<i>4.251.935.181</i>
Tập đoàn Dệt may Việt Nam – Chi phí lãi vay	5.559.064.143	4.251.935.181
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>12.329.992.987</i>	<i>7.248.369.159</i>
Chi phí lãi vay	1.646.366.421	1.160.941.243
Chi phí hoa hồng	2.407.602.472	1.287.191.157
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	8.276.024.094	4.800.236.759
Cộng	<u>17.889.057.130</u>	<u>11.500.304.340</u>

22. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn/dài hạn

22a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê nhà máy (xem thuyết minh số V.22b)	3.157.461.996	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn khác (*)	633.528.992	1.090.488.930
Cộng	<u>3.790.990.988</u>	<u>1.090.488.930</u>

(*) Doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ, số phải chiết khấu cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

22b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến khoản trả trước tiền thuê nhà máy của Công ty TNHH Coats Phong Phú trong khoảng thời gian 15 năm từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2031.

23. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

23a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>85.452.457.514</i>	<i>1.931.426.263</i>
Tập đoàn Dệt may Việt Nam – Chi phí lãi vay	3.153.106.314	1.931.426.263
Tập đoàn Dệt may Việt Nam – Cổ tức phải trả	82.299.351.200	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>44.554.955.513</i>	<i>45.615.354.531</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phong Phú		
- Tiền chuyển nhượng cổ phần nhận trước	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phong Phú		
- Tiền mượn phải trả	9.000.000.000	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	12.549.592.997	8.817.761.146
Chi phí lãi vay	12.852.829.225	15.010.005.203
Cổ tức phải trả	1.020.561.695	851.966.695
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	286.389.000	345.940.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.845.582.596	15.589.681.487
Cộng	<u>130.007.413.027</u>	<u>47.546.780.794</u>

23b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ứng trước dự án và nhận góp vốn hợp tác đầu tư tài chính	25.326.000.000	25.326.000.000
- Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương	5.226.000.000	5.226.000.000
- Công ty TNHH Xây dựng Phong Đức	18.500.000.000	18.500.000.000
- Nhận góp vốn của các tổ chức, cá nhân khác	1.600.000.000	1.600.000.000
Nhận ký quỹ dài hạn khác	-	6.727.500.000
Cộng	<u>25.326.000.000</u>	<u>32.053.500.000</u>

23c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

24. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**24a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả bên liên quan	26.101.970.892	20.000.000.000
Vay ngắn hạn Tập đoàn Dệt may Việt Nam ⁽ⁱ⁾	20.000.000.000	20.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả Tập đoàn Dệt may Việt Nam (xem thuyết minh số V.24b)	6.101.970.892	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.791.580.551.049	1.561.016.141.884
Vay ngắn hạn ngân hàng ⁽ⁱⁱ⁾	1.627.433.021.341	1.397.619.520.205
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	240.212.498.676	68.854.831.568
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	104.309.475.777	161.726.753.324
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	85.926.843.696	281.379.233.193
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1.111.780.383.898	743.030.682.235
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	26.287.204.341	132.758.837.349
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Khánh Hòa	36.696.557.950	9.869.182.536
Ngân hàng TMCP Quốc tế	22.220.057.003	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.24b)	44.546.206.000	42.963.918.851
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.24b)	5.601.323.708	6.432.702.828
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.24b)	114.000.000.000	114.000.000.000
Cộng	<u>1.817.682.521.941</u>	<u>1.581.016.141.884</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Tập đoàn Dệt may Việt Nam để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.
- (ii) Các khoản vay ngắn hạn của các ngân hàng để bổ sung vốn lưu động, thanh toán chi phí và phát hành thư bảo lãnh. Trong đó, số dư nợ vay của các công ty trong Tập đoàn được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản như sau:
- Số dư nợ vay của Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang tại các ngân hàng ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 397.005.054.363 VND được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản như sau:
 - Tài sản hình thành trong tương lai là nhà máy dệt kim tại Km 1.447 Km 1447 Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.
 - Hàng tồn kho luân chuyển của Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang bao gồm các thành phẩm, hàng hóa và nguyên vật liệu dệt may; tài sản cố định hữu hình là 2 nhà máy đánh ống tự động Murata; tiền mặt, tiền gửi, giấy tờ có giá do Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Khánh Hòa phát hành (xem thuyết minh số V.8 và số V.10).
 - Máy móc thiết bị Nhà máy Sợi 1, Sợi 2, Nhà máy May 4 và 6 xe ô tô; 04 máy nhuộm đồng bộ Fongs cùng một xe ô tô Toyota Camry (xem thuyết minh số V.10).
 - Quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại 12 Nguyễn Gia Thiều, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa; quyền sử dụng đất tại Km 1.447 Km 1447 Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 54 Tôn Thất Tùng, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh xem thuyết minh số V.10).
 - Các khoản phải thu có giá trị tối thiểu 60.000.000.000 VND (xem thuyết minh số V.3).
 - Số dư nợ vay của Công ty Cổ phần Dệt may Quảng Phú tại các ngân hàng ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 102.323.391.605 VND được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản như sau:
 - Toàn bộ công trình xây dựng gắn liền với đất hình thành trong tương lai của Nhà máy sản xuất khăn bông Quảng Phú tại Ninh Thuận và toàn bộ hệ thống máy móc, thiết bị thuộc dự án (xem thuyết minh số V.10 và V.14).
 - Các quyền tài sản (bao gồm nhưng không giới hạn: quyền đòi nợ và thụ hưởng số tiền đòi nợ, quyền được phân chia và sử dụng/ khai thác và/ hoặc sở hữu sản phẩm được phân chia, quyền yêu cầu hoàn trả tiền ứng trước, tiền phạt vi phạm, tiền bồi thường thiệt hại và thụ hưởng số tiền này; các quyền, lợi ích, các khoản bồi hoàn;...) phát sinh từ tất cả các hợp đồng kinh tế được ký kết với Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú với giá trị tại mọi thời điểm là 35.000.000.000 VND (xem thuyết minh số V.3).
 - Hàng tồn kho luân chuyển với giá trị tại mọi thời điểm là 15.000.000.000 VND (xem thuyết minh số V.8).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

24b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả bên liên quan		
Tập đoàn Dệt may Việt Nam ⁽ⁱ⁾	528.981.522.908	529.148.465.922
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.054.413.680.748	1.073.726.532.677
Vay dài hạn ngân hàng	621.058.076.309	594.621.367.685
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	1.320.000.000	1.320.000.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ⁽ⁱⁱⁱ⁾	554.024.741.641	531.602.504.656
Ngân hàng TMCP An Bình ^(iv)	373.334.668	373.334.668
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín ^(v)	43.560.000.000	43.560.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(vi)	21.780.000.000	17.765.528.361
Vay dài hạn các tổ chức khác	81.081.598.080	106.181.598.080
Công ty Cổ phần Bất động sản Thăng Lợi ^(viii)	8.000.000.000	32.000.000.000
Onshine Investment Limited ^(viii)	70.331.598.080	70.331.598.080
Quỹ bảo vệ môi trường ^(vii)	2.750.000.000	3.850.000.000
Vay dài hạn các cá nhân ^(viii)	204.839.128.813	153.382.839.308
Nợ thuê tài chính Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(ix)	17.434.877.546	19.540.727.604
Trái phiếu thường dài hạn ^(x)	130.000.000.000	200.000.000.000
Cộng	1.583.395.203.656	1.602.874.998.599

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

- (i) Khoản vay Tập đoàn Dệt may Việt Nam để tái cấu trúc tài chính, trả nợ cho các khoản nợ dài hạn của các tổ chức tín dụng theo các nội dung Tập đoàn Dệt may Việt Nam đã cam kết với Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Bộ Tài chính. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định (xem thuyết minh V.10).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam để đầu tư quy hoạch Nhà máy may 2 và Nhà máy may 4 với lãi suất xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Thời hạn vay 48 tháng từ kể ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay, máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ thuộc Nhà máy may 4 - giai đoạn 1 và 02 xe ô tô (xem thuyết minh số V.10).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cho các mục đích sử dụng vốn vay như sau:
- Thanh toán các chi phí liên quan đến việc đầu tư thực hiện dự án "Đầu tư nhà máy dệt vải Denim Nha Trang" với lãi suất xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.14).
 - Thanh toán chi phí thực hiện dự án "Đầu tư nhà máy sản xuất vải dệt kim" tại Km 1447 Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa với lãi suất xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai thuộc dự án "Đầu tư nhà máy sản xuất dệt kim" gồm toàn bộ máy móc và toàn bộ tài sản trên đất hình thành từ vốn vay và vốn tự có thuộc dự án tại Km 1447 Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.10).
 - Đầu tư xây dựng nhà xưởng, văn phòng và mua sắm máy móc thiết bị thuộc dự án Nhà máy sản xuất khăn bông Quảng Phú tại Ninh Thuận với lãi suất xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ công trình xây dựng gắn liền với đất hình thành trong tương lai của Nhà máy sản xuất khăn bông Quảng Phú tại Ninh Thuận và toàn bộ hệ thống máy móc, thiết bị thuộc dự án (xem thuyết minh số V.10 và V.14).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Bù đắp các chi phí các dự án “Nhà máy khăn bông Quảng Phú” tại thôn Hạnh Trí, Xã Quảng Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận với lãi suất xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là công trình “Nhà máy khăn bông Quảng Phú” và tài sản là máy móc, thiết bị thuộc dự án “Nhà máy sản xuất khăn bông Quảng Phú 1” (xem thuyết minh số V.10 và V.14).
 - Đầu tư mua máy móc thiết bị tại Nhà máy dệt Hải Vân với lãi suất xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là máy móc, thiết bị hình thành từ vốn vay và vốn đối ứng của phương án “Đầu tư máy móc thiết bị nhà máy Hải Vân” (xem thuyết minh số V.10 và V.14).
 - Đầu tư thực hiện dự án Khăn bông Quảng Phú - Giai đoạn 2 tại Thôn Hạnh Trí, Xã Quảng Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận với lãi suất theo từng lần giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là máy móc, thiết bị hình thành từ vốn vay và vốn đối ứng của dự án Nhà máy Khăn bông Quảng Phú - Giai đoạn 2 (xem thuyết minh V.10 và V.14).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP An Bình để mua sắm máy móc, thiết bị với lãi suất xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Thời hạn vay là 36 tháng từ kể ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy lọc xơ ngoại lai, xuất xứ Đức (xem thuyết minh số V.10).
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín để ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án “Khu nhà ở - Trung tâm thương mại và siêu thị Đông Nam”.
- (vi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để xây dựng Dự án nhà nghỉ dưỡng cho cán bộ, công nhân viên số 14 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 1, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp dự án này (xem thuyết minh số V.10).
- (vii) Khoản vay Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam với số tiền vay 12 tỷ VND để đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải nhà máy sản xuất khăn bông Quảng Phú, công suất 1.250m³/ngày đêm với lãi suất 3,6%/năm. Thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 06 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc bảo lãnh của ngân hàng.
- (viii) Khoản vay dài hạn các cá nhân và các tổ chức khác để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- (ix) Khoản nợ thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để thuê máy móc thiết bị nhuộm, máy hồ, máy nhuộm khăn và xe ô tô. Số tiền nợ gốc và lãi được hoàn trả hàng tháng.
- (x) Trái phiếu thường, mệnh giá 1.000.000.000 VND, được phát hành cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam để bổ sung vốn lưu động và tài trợ hoạt động đầu tư. Tài sản đảm bảo là các khoản đầu tư vào cổ phiếu của một số công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác với giá trị ghi sổ là 252.197.877.022 VND (xem thuyết minh số V.2).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Trên 05 năm</u>
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn ngân hàng	663.404.282.309	42.346.206.000	383.307.177.381	237.750.898.928
Vay dài hạn các tổ chức khác	618.365.091.880	8.301.970.892	79.659.069.213	530.404.051.775
Vay dài hạn các cá nhân	204.839.128.813	-	-	204.839.128.813
Nợ thuê tài chính	23.036.201.254	5.601.323.708	17.434.877.546	-
Trái phiếu thường	244.000.000.000	114.000.000.000	130.000.000.000	-
Cộng	<u>1.753.644.704.256</u>	<u>170.249.500.600</u>	<u>610.401.124.140</u>	<u>972.994.079.516</u>
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	635.405.286.536	40.783.918.851	443.273.842.768	151.347.524.917
Vay dài hạn các tổ chức khác	637.510.064.002	2.180.000.000	59.653.673.348	575.676.390.654
Vay dài hạn các cá nhân	153.382.839.308	-	-	153.382.839.308
Nợ thuê tài chính	25.973.430.432	6.432.702.828	19.540.727.604	-
Trái phiếu thường	314.000.000.000	114.000.000.000	200.000.000.000	-
Cộng	<u>1.766.271.620.278</u>	<u>163.396.621.679</u>	<u>722.468.243.720</u>	<u>880.406.754.879</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong kỳ được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

24c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	3.265.787.951	8.200.856.000	-	(8.636.078.000)	2.830.565.951
Quỹ phúc lợi	2.240.615.682	6.354.314.027	29.393.845	(704.545.909)	7.919.777.645
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	2.821.292.514	12.000.842.000	-	(13.822.134.514)	1.000.000.000
Cộng	<u>8.327.696.147</u>	<u>26.556.012.027</u>	<u>29.393.845</u>	<u>(23.162.758.423)</u>	<u>11.750.343.596</u>

26. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến dự phòng trợ cấp mất việc làm. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	2.980.966.750	4.223.424.771
Số sử dụng	(245.668.750)	(44.480.073)
Số cuối kỳ	<u>2.735.298.000</u>	<u>4.178.944.698</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

27. Vốn chủ sở hữu

27a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 04 đính kèm.

27b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	374.087.960.000	374.087.960.000
Các cổ đông khác	372.620.950.000	372.620.950.000
Cộng	746.708.910.000	746.708.910.000

27c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	74.670.891	74.670.891
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	74.670.891	74.670.891
- Cổ phiếu phổ thông	74.670.891	74.670.891
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	74.670.891	74.670.891
- Cổ phiếu phổ thông	74.670.891	74.670.891
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

27d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Tổng Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 ngày 18 tháng 4 năm 2018 như sau:

	Số tiền (VND)
• Chia cổ tức cho các cổ đông (22%/mệnh giá cổ phiếu)	164.275.960.200
• Trích Quỹ đầu tư phát triển (08%)	18.462.057.000
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (06%)	13.846.542.000
• Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành (03%)	6.923.271.375
• Thường vượt kế hoạch (10% Lợi nhuận vượt kế hoạch)	5.077.570.625

28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

28a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	2.823.515.966	3.051.992.625
Trên 01 năm đến 05 năm	5.400.635.034	5.399.372.557
Trên 05 năm	-	-
Cộng	8.224.151.000	8.451.365.182

Tập đoàn ký các hợp đồng thuê kho và nhà xưởng dưới hình thức thuê hoạt động với thời hạn thuê từ 03 đến 05 năm.

28b. Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	852.619,54	337.240,29
Euro (EUR)	252,86	2,86

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	1.211.027.005.869	1.049.544.565.941
Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	470.666.964.460	343.567.086.657
Cộng	1.681.693.970.329	1.393.111.652.598

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan không phải là công ty liên doanh, liên kết (cùng kỳ năm trước Tập đoàn có phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Tập đoàn Dệt may Việt Nam với số tiền là 306.691.100VND).

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	747.657.804	737.403.148
Hàng bán bị trả lại	1.216.147.624	370.071.808
Cộng	1.963.805.428	1.107.474.956

3. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.068.519.800.930	908.921.945.071
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	449.570.450.165	320.008.080.865
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	1.457.246.769	(40.938.995)
Cộng	1.519.547.497.864	1.228.889.086.941

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	112.166.637	136.612.039
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	623.457.530
Lãi tiền cho vay	5.839.229.519	6.312.014.889
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.532.050.000	10.290.783.200
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.552.763.950	3.318.189.826
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	251.811.795
Lãi thanh lý các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5.000.000.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	90.407.240	79.555.449
Cộng	25.126.617.346	21.012.424.728

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	75.906.291.196	62.350.957.223
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	837.701.791	1.999.802.490
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	11.422.372.563	2.446.951.716
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính dài hạn	204.671.706	-
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	-	4.964.038.250
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	1.217.847
Cộng	88.371.037.256	71.762.967.526

6. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	11.626.019.230	9.665.105.134
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	333.889.392	49.437.470
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	43.565.634
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.620.206.027	12.186.962.191
Chi phí khác	31.044.606.881	21.366.461.975
Cộng	56.624.721.530	43.311.532.404

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	33.996.584.608	32.477.219.498
Chi phí vật liệu quản lý	3.385.452.585	2.838.443.147
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.409.500	548.551.399
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.433.003.746	1.893.642.338
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	2.162.649.766	2.800.447.675
Thuế, phí và lệ phí	3.055.327.738	5.690.299.257
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	412.458.095	(66.822.831)
Chi phí khác	35.780.107.073	36.103.042.599
Cộng	80.226.993.111	82.284.823.082

8. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	-	5.272.156.367
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	273.742.210	1.923.125.000
Tiền bồi thường của bảo hiểm	11.559.949.448	12.500.000.000
Tiền bồi thường chất lượng hàng hóa	2.018.626.000	-
Thu nhập khác	453.612.514	31.876.382
Cộng	14.305.930.172	19.727.157.749

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	3.413.548.335	-
Tiền thuê đất nộp bổ sung	-	15.870.075.901
Tiền phạt vi phạm hành chính	363.740.771	1.790.051.304
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	12.000.000
Khấu hao các tài sản cố định chưa dùng, không cần dùng chờ thanh lý	-	86.644.336
Chi phí khác	12.614.369	382.815.396
Cộng	3.789.903.475	18.141.586.937

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	140.160.422.305	136.575.101.023
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(6.319.375.515)	(5.099.869.778)
Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành	(3.159.687.758)	(2.457.625.354)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	(202.666.667)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	130.681.359.032	128.814.939.224
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	74.670.891	73.350.581
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.750	1.756

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ Tập đoàn phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu lãi cho vay cần trừ vào chi phí lãi vay	6.209.102.746	3.597.761.094
Thanh lý tài sản cố định hữu hình chuyển sang công cụ, dụng cụ	-	161.900.000
Góp vốn bằng cổ tức phải thu	-	184.716.108
Lãi cho vay phải thu tăng vào tiền gốc cho vay	6.000.000.000	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản công nợ liên quan đến tài sản cố định của Tập đoàn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Mua tài sản cố định bằng cách nhận nợ phải trả	13.195.807.047	22.934.556.761
Trả trước mua tài sản cố định	9.349.372.735	10.584.653.424
Bán tài sản cố định chưa thu tiền	632.090.909	-

C.P.
ĐN
HIỆP
ÁN I
&
T.P.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	11.510.397.131	11.173.159.764
Trên 01 năm đến 05 năm	31.664.107.120	25.109.469.285
Trên 05 năm	32.010.358.000	32.470.877.000
Cộng	75.184.862.252	68.753.506.050

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong kỳ là 2.124.525.000 VND (cùng kỳ năm trước là 2.008.350.000 VND).

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH Coats Phong Phú	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewoon Thủ Đức	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Vân	Công ty liên kết

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với Tập đoàn Dệt may Việt Nam như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuê văn phòng	1.282.323.000	1.282.323.000
Cổ tức phải trả	82.299.351.200	67.335.833.358
Lãi vay phải trả	10.499.937.959	7.774.671.005
Thuê đất	94.884.947	94.884.947
Mua hàng hóa	2.180.001.600	1.069.588.800

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.17, V.21, V.23 và V.24.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất sợi, vải, khăn, chỉ may, may mặc thời trang,..
- Lĩnh vực thương mại, dịch vụ, khác: mua bán sợi, vải, khăn, chỉ may, chỉ thêu, sản phẩm may mặc và thời trang, kinh doanh bất động sản và thực hiện các dự án cụm công nghiệp, khu du lịch và tòa nhà phức hợp.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được thể hiện ở Phụ lục 06 đính kèm.

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ nhà xưởng của Công ty được đặt tại Việt Nam. Thị trường tiêu thụ của Tổng Công ty chủ yếu là Việt Nam, các nước Châu Á khác (Hàn Quốc, Nhật Bản, Hồng Kông, Trung Quốc, Thái Lan) các nước Châu Âu và Mỹ.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Việt Nam	1.073.258.876.299	829.710.129.143
Các nước khác	606.471.288.602	562.294.048.499
Cộng	1.679.730.164.901	1.392.004.177.642

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2018



Lê Thị Tú Anh
Người lập biểu



Đặng Thanh Phước
Kế toán trưởng



**TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN
PHONG PHÚ**
Bùi Phi Thu
Phó Tổng Giám đốc

0301
ÔNG
CỔ
PHON
9-TR

M.S.D.N.
TR.
KIÊ
Q. T. N. B.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhom Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhom Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá	565.456.247.847	2.256.651.197.873	52.466.575.209	4.316.647.380	460.804.150	2.879.351.472.459
Số đầu năm	331.528.182	16.475.494.293	1.436.612.500	-	-	18.243.634.975
Mua trong kỳ	56.903.973.911	25.448.393.306	7.253.012.514	6.794.915.574	-	96.400.295.305
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	(10.818.603.581)	10.818.603.581	-	-	-	-
Phân loại lại	-	(22.157.578.397)	(3.091.258.180)	-	-	(25.248.836.577)
Thanh lý, nhượng bán	-	2.287.236.110.656	58.064.942.043	11.111.562.954	460.804.150	2.968.746.566.162
Số dư cuối kỳ	611.873.146.359	2.287.236.110.656	58.064.942.043	11.111.562.954	460.804.150	2.968.746.566.162
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	44.012.662.820	293.835.993.257	15.688.352.029	4.438.637.144	-	357.975.645.250
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	215.478.537.818	1.281.037.014.301	40.012.258.771	3.769.914.870	460.804.150	1.540.758.529.911
Khấu hao trong kỳ	9.905.873.236	60.593.282.530	1.841.373.699	426.677.479	-	72.767.206.944
Phân loại lại	(2.873.305.096)	2.873.305.096	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(17.317.499.567)	(3.091.258.180)	-	-	(20.408.757.747)
Số dư cuối kỳ	222.511.105.958	1.327.186.102.360	38.762.374.290	4.196.592.349	460.804.150	1.593.116.979.108
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	349.977.710.029	975.614.183.572	12.454.316.438	546.732.510	-	1.338.592.942.548
Số cuối kỳ	389.362.040.401	960.050.008.296	19.302.567.753	6.914.970.605	-	1.375.629.587.054

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng
 Đang chờ thanh lý

- - - - -
 - - - - -

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2018



Đặng Thanh Phước

Đặng Thanh Phước
 Kế toán trưởng

Bùi Thị Thu
 Phó Tổng Giám đốc

Lê Thị Tú Anh
 Người lập biểu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhom Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 02: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Hoàn thuế phải thu	Giảm thuế phải thu do thoái vốn	Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp			Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.556.027.112	-	30.416.185.823	(27.894.105.833)	-	-	5.078.107.102	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	5.291.748.659	(5.291.748.659)	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	10.834.975	592.099.141	(678.676.765)	-	-	-	97.412.599
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.209.545.375	1.215.084.609	3.868.458.856	(1.361.203.117)	-	-	3.236.820.892	735.104.387
Thuế thu nhập cá nhân	7.627.314.790	4.083.446	9.636.847.455	(16.513.679.302)	-	6.230.768	861.142.548	108.512.283
Thuế tài nguyên	29.093.879	-	288.864.140	(274.136.340)	-	-	43.821.679	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	14.740.518.247	14.672.851.384	5.066.670.921	(2.324.334.673)	14.672.851.384	-	17.557.338.054	74.483.559
Thuế nhà thầu	-	-	93.600.592	(93.600.592)	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	27.000.000	(27.000.000)	-	-	-	-
Cộng	26.162.499.403	15.902.854.414	55.281.475.587	(54.458.485.281)	14.672.851.384	6.230.768	26.777.230.275	1.015.512.828

(Handwritten Signature)

Lê Thị Tú Anh
Người lập biểu

(Handwritten Signature)

Đặng Thanh Phước
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2018



(Handwritten Signature)

Bừ Thị Thu
Phó Tổng Giám đốc

44987
NG T
HIỆM HỮ
IN VÀ TI
& C
T.PHỐ

11010101

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48, Tầng Nhôm Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhôm Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
Phụ lục 03: Bảng tăng, giảm các khoản vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Tăng khác (do tiền lãi nhập vào vốn gốc)	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ	Đơn vị tính: VND
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả bên liên quan</i>	20.000.000.000	-	6.101.970.892	-	-	-	26.101.970.892	
Vay ngắn hạn các bên liên quan	20.000.000.000	-	-	-	-	-	20.000.000.000	
Vay dài hạn đến hạn trả các bên liên quan	-	-	6.101.970.892	-	-	-	6.101.970.892	
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.561.016.141.884	2.238.133.933.320	21.539.815.479	-	2.778.478.089	(2.031.887.817.723)	1.791.580.551.049	
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.397.619.520.206	2.238.133.933.320	-	-	2.668.916.700	(2.010.989.348.885)	1.627.433.021.341	
Vay dài hạn đến hạn trả	42.963.918.851	-	19.223.830.263	-	83.744.399	(17.725.287.513)	44.546.206.000	
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	6.432.702.827	-	2.315.985.216	-	25.816.990	(3.173.181.325)	5.601.323.708	
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả	114.000.000.000	-	-	-	-	-	114.000.000.000	
Cộng	1.581.016.141.884	2.238.133.933.320	27.641.786.371	-	2.778.478.089	(2.031.887.817.723)	1.817.682.521.941	

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	Tăng khác (do tiền lãi nhập vào vốn gốc)	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay dài hạn các bên liên quan	529.148.465.922	-	(6.101.970.892)	-	5.935.027.878	-	528.981.522.908
Vay dài hạn ngân hàng	594.621.367.686	41.903.791.512	(18.123.830.263)	-	2.656.747.374	-	621.058.076.309
Vay dài hạn các tổ chức khác	106.181.598.080	-	(1.100.000.000)	-	-	(24.000.000.000)	81.081.598.080
Vay dài hạn các cá nhân	153.382.839.308	90.359.888.956	-	1.147.412.299	-	(40.051.011.750)	204.839.128.813
Nợ thuê tài chính	19.540.727.603	-	(2.315.985.216)	-	210.135.159	-	17.434.877.546
Trái phiếu thường	200.000.000.000	-	-	-	-	(70.000.000.000)	130.000.000.000
Cộng	1.602.874.998.599	132.263.680.468	(27.641.786.371)	1.147.412.299	8.801.910.411	(134.051.011.750)	1.583.395.203.656

[Signature]

Lê Thị Tú Anh
 Người lập biểu

[Signature]

Đặng Thanh Phước
 Kế toán trưởng



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhom Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhom Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 05: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	733.505.810.000	35.309.411.225	308.988.929.341	381.828.119	419.038.786.552	132.297.652.377	1.629.522.417.614
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	136.575.101.023	631.836.395	137.206.937.418
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	(132.031.045.800)	(11.495.625.000)	(143.526.670.800)
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	18.643.308.000	-	(46.261.406.952)	(763.817.170)	(28.381.916.122)
Trích thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành	-	-	-	-	(304.008.167)	(93.658.500)	(397.666.667)
Các khoản điều chỉnh khác	-	-	-	-	(1.784.279.496)	-	(1.784.279.496)
Số dư cuối kỳ trước	733.505.810.000	35.309.411.225	327.632.237.341	381.828.119	375.233.147.160	120.576.388.102	1.592.638.821.947
Số dư đầu năm nay	746.708.910.000	35.309.411.225	327.632.237.341	381.828.119	379.755.136.378	160.745.370.393	1.650.532.893.456
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	140.160.422.305	1.381.971.695	141.542.394.000
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	(164.275.960.200)	(2.610.000.000)	(166.885.960.200)
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	18.462.057.000	-	(44.677.714.986)	(340.354.041)	(26.556.012.027)
Giảm do thoái vốn	-	-	(5.018.040.000)	-	-	(369.730.950)	(369.730.950)
Chi quỹ trong kỳ	-	-	-	(90.674.447)	1.633.814.525	(57.996.561)	(5.018.040.000)
Các khoản điều chỉnh khác	-	-	-	291.153.672	312.595.698.022	158.749.260.536	1.485.143.517
Số dư cuối kỳ này	746.708.910.000	35.309.411.225	341.076.254.341	291.153.672	312.595.698.022	158.749.260.536	1.594.730.687.796

Đơn vị tính: VND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2018



(Handwritten signature)

Bùi Thị Thu
 Phó Tổng Giám đốc

(Handwritten signature)

Đặng Thanh Phước
 Kế toán trưởng

Lê Thị Tú Anh
 Người lập biểu



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhom Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 06: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Kỳ này	Lĩnh vực sản xuất	Các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.209.063.200.441	470.666.964.460	-	1.679.730.164.901
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.209.063.200.441	470.666.964.460	-	1.679.730.164.901
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	139.086.152.742	21.096.514.295	-	160.182.667.037
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(136.851.714.641)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				23.330.952.396
Doanh thu hoạt động tài chính				25.126.617.346
Chi phí tài chính				(88.371.037.256)
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	173.985.325.753	772.360.615	-	174.757.686.368
Thu nhập khác				14.305.930.172
Chi phí khác				(3.789.903.475)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(3.817.851.551)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				141.542.394.000
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	93.211.122.801	15.510.768.631	-	108.721.891.432
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	66.873.978.439	17.641.944.284	-	84.515.922.723
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	412.458.095	-	-	412.458.095



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhom Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhom Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Lĩnh vực sản xuất	Các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ trước	1.048.437.090.985	343.567.086.657	-	1.392.004.177.642
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.048.437.090.985	343.567.086.657	-	1.392.004.177.642
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	139.556.084.909	23.559.005.792	-	163.115.090.701
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(125.596.355.486)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				37.518.735.215
Doanh thu hoạt động tài chính				21.012.424.728
Chi phí tài chính				(71.762.967.526)
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	150.154.216.858	(21.835.593)		150.132.381.265
Thu nhập khác				19.727.157.749
Chi phí khác				(18.141.586.937)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(1.232.988.270)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(46.218.806)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				137.206.937.418
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	288.456.258.759	10.053.772.500	-	298.510.031.259
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	34.627.660.978	36.555.104.642	-	71.182.765.620
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 06: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh


Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực sản xuất	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	2.849.962.140.163	1.121.728.340.879	-	3.971.690.481.042
Tài sản phân bổ cho bộ phận	15.744.850.047	13.823.559.074		29.568.409.121
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				1.604.604.934.070
Tổng tài sản				5.605.863.824.233
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.316.022.269.947	1.471.232.932.680	-	3.787.255.202.627
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	6.819.783.012	5.987.587.882		12.807.370.894
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				211.070.562.916
Tổng nợ phải trả				4.011.133.136.437
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	2.564.075.002.718	971.104.717.173	-	3.535.179.719.891
Tài sản phân bổ cho bộ phận	22.826.472.755	18.963.233.583		41.789.706.339
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				1.734.759.123.930
Tổng tài sản				5.311.728.550.160
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.963.292.494.634	1.497.610.669.663	-	3.460.903.164.297
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	8.656.415.895	7.191.371.105		15.847.787.000
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				184.444.705.407
Tổng nợ phải trả				3.661.195.656.704



Lê Thị Tú Anh
Người lập biểu


Đặng Thanh Phước
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2018


Bùi Thị Thảo - TP. Hồ Chí Minh
Phó Tổng Giám đốc